

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TU  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/KDTM-ST

Ngày: 18-9-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Hưng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Xet;

2. Bà Lê Thị Hồng Gám.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 12 và 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 23/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV; trụ sở: Số 103/6A, Khu phố 4, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Q, sinh năm 1987; chức vụ: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV; địa chỉ: Số 49, đường K, Tổ 48, Khu phố 6, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/5/2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH DT; trụ sở: Thửa đất 612, tờ bản đồ số 38, đường K05, khu phố B, phường E, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp:* Bà N, sinh năm 1988; chức vụ: Nhân viên nhân sự Công ty TNHH DT (Theo Giấy ủy quyền số 26.08/UQ/2019 ngày 26/8/2019); có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Q trình bày:*

Ngày 28/12/2016, Công ty TNHH DT có mua của Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV hàng hoá là bao bì và giấy tổ ong để làm bao bì với số tiền là 20.579.405 đồng. Sau khi giao hàng, Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV đã xuất Hóa đơn số 0000942 ngày 28/12/2016 cho Công ty TNHH DT. Giữa hai công ty cũng đã có xác nhận công nợ tại “Thư yêu cầu” đề ngày 18/4/2017 và “Biên bản xác nhận thanh toán công nợ” đề ngày 21/8/2017 có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH DT là ông Trần Chính với số tiền nợ gốc là 20.579.405 đồng. Ngày 10/11/2017, Công ty TNHH DT thanh toán số tiền 10.000.000 đồng và ngày 26/7/2019, thanh toán thêm số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH DT phải thanh toán cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại HV tổng số tiền là: 6.341.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 5.579.405 đồng; tiền lãi với mức lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến 27/8/2019 là 761.717 đồng.

*Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà N trình bày:*

Giữa hai công ty có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 28/2017 HĐNT/HV-DRT ngày 02/01/2017 về việc mua bán bao bì, giấy tổ ong để làm bao bì. Theo Hóa đơn số 0000942 ngày 28/12/2016 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 20.579.405 đồng. Chữ ký xác nhận và mẫu dấu trong các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký của Trần Chính là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH DT. Ngày 10/11/2017, bị đơn đã thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, ngày 26/7/2019 bị đơn thanh toán thêm số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, do phát hiện người phụ trách kế toán trước đây của Công ty TNHH DT có hành vi giả mạo chứng từ để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền 6.341.000 đồng khi phía nguyên đơn xuất trình đầy đủ chứng từ xác định việc bị đơn mua hàng của nguyên đơn gồm: Đơn đặt hàng, phiếu giao hàng và phiếu nhập hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã TU, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định của pháp luật. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU. Việc khởi kiện của nguyên đơn còn nằm trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại.

- Về nội dung: Theo các chứng cứ do các đương sự giao nộp có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ kết luận: Vào tháng 12 năm 2016, giữa Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV và Công ty TNHH DT có hoạt động mua bán hàng hoá. Sau đó hai bên ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 28/2017 HĐNT/HV-DRT đề ngày 02/01/2017 về việc mua bán bao bì và giấy tổ ong làm bao bì. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn cũng đã xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 20.579.405 đồng. Sau đó bị đơn đã thanh toán cho

nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ số tiền 5.579.405 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH DT phải thanh toán số tiền 6.341.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH DT thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH DT có trụ sở hoạt động tại thị xã TU, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Vào ngày 21/8/2017 đại diện theo pháp luật của bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 20.579.405 đồng và cam kết đến ngày 05/10/2017 sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không thực hiện trả nợ đúng cam kết. Ngày 10/11/2017 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 15/5/2019 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Như vậy, việc khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn nằm trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH DT phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 5.579.405 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Theo các chứng cứ do hai bên giao nộp và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đủ căn cứ xác định vào ngày 28/12/2016 Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HeVi đã bán cho Công ty TNHH DT hàng hoá là bao bì và giấy tổ ong để làm bao bì với tổng số tiền 20.579.405 đồng. Tại “Thư yêu cầu” đề ngày 18/4/2017 và “Biên bản xác nhận V/v thanh toán công nợ” đề ngày 21/8/2017 người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH DT là ông Trần Chính cũng đã xác nhận còn nợ Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV số tiền mua hàng là 20.579.405 đồng và cam kết sẽ trả nợ vào ngày 05/10/2017.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận chữ ký trong các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án đúng là của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Công ty TNHH DT cũng đã thực hiện việc khai báo thuế đối với khoản tiền mua hàng hoá là bao bì và giấy tổ ong để làm bao bì của Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV với số tiền 20.579.405 đồng nêu trên. Tuy nhiên, do người phụ trách kế toán trước đây của bị đơn có hành vi giả mạo chứng từ để chiếm đoạt tài sản nên đại diện bị đơn chỉ đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi đại diện của nguyên đơn xuất trình các chứng từ kèm theo gồm đơn đặt hàng, phiếu

giao hàng và phiếu nhập hàng. Sự thừa nhận của đại diện bị đơn tại phiên toà là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm: Thông báo việc giao thành phẩm đề ngày 09/12/2016, ngày 15/12/2016, ngày 22/12/2016 và ngày 23/12/2016; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000942 ngày 28/12/2016; “Thư yêu cầu” đề ngày 18/4/2017 và “Biên bản xác nhận V/v thanh toán công nợ” đề ngày 21/8/2017 và sự thừa nhận của người đại diện hợp pháp của bị đơn tại phiên toà đủ cơ sở khẳng định Công ty TNHH DT có mua hàng hoá của Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV với số tiền là 20.579.405 đồng. Vào ngày 10/11/2017 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng, ngày 26/7/2019 thanh toán thêm số tiền 5000.000 đồng, tổng cộng là 15.000.000 đồng; còn nợ số tiền là 5.579.405 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty TNHH DT phải thanh toán số tiền nợ gốc 5.579.405 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến 27/8/2019 với số tiền là 761.717 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Tại “Biên bản xác nhận V/v thanh toán công nợ” đề ngày 21/8/2017 đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH DT xác nhận còn nợ Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV số tiền 20.579.405 đồng và cam kết sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 05/10/2017. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không thanh toán nợ tiền mua hàng theo đúng theo thoả thuận.

Điều 306 của Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: “ Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”.

Theo Công văn số 04/NHNoTU-CV ngày 11/9/2019 của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã TU và kết quả xác minh ngày 10/9/2019 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Phòng Giao dịch thị xã TU và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) – Phòng giao dịch thị xã TU thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn tại thời điểm tháng 9 năm 2019 là từ 10% - 11%/tháng.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,9%/tháng tính từ ngày 01/02/2018 đến 27/8/2019 với số tiền là 761.717 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ sự phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 5, 30, 35, 39, 92, 147, 228, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 24, 50, 55, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV với bị đơn Công ty TNHH DT về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

2. Buộc Công ty TNHH DT phải thanh toán trả cho Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HV số tiền 6.341.000đ (*Sáu triệu ba trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Sản xuất thương mại HeVi không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036891 ngày 10/6/2019.

Công ty TNHH DT phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Đào Văn Hưng**